

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-12-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Thu Lan

2. Bà Trần Thị Bích Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Giàng Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Lào Cai (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Giàng Thị T trình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 12/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 06/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh Q ghen tuông vô cớ, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, anh Q đập phá một số đồ dùng cá nhân của tôi từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng. Vợ chồng ly thân nhau tháng 6/2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Có 02 cháu Nguyễn Hải N sinh ngày 07/8/2012; Nguyễn Thiện N1 sinh ngày 27/9/2016. Khi ly hôn tôi và anh Q thỏa thuận anh Q nuôi hai con và tôi cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 2.000.000 đồng một tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Công việc của tôi làm giáo viên, thu nhập một tháng 15.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu của anh Q tại thôn N, xã T, tỉnh Lào Cai. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy tờ của Tòa án cho anh Q. Anh Q là người trực tiếp nhận các văn bản của Tòa án. Anh Q biết việc Tòa án báo gọi để giải quyết việc chị T xin ly hôn anh. Nhưng anh Q không có mặt theo các văn bản triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình; điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Hải N sinh ngày 07/8/2012 và Nguyễn Thiện N1 sinh ngày 27/9/2016 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Giàng Thị T cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 2.000.000 đồng một tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về án phí: Chị Giàng Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm, chị T được trả lại 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001054 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị T và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 12 tháng 12 năm 2011 là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 06/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q ghen tuông vô cớ, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, anh Q đập phá một số đồ dùng cá nhân của chị T từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng. Vợ chồng ly thân nhau tháng 6/2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị T xin ly hôn anh Q là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị T được ly hôn anh Q là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu Nguyễn Hải N sinh ngày 07/8/2012; Nguyễn Thiện N1 sinh ngày 27/9/2016. Hiện nay hai cháu đang ở cùng anh Q. Khi ly hôn chị T đồng ý anh Q nuôi hai con và chị T cấp dưỡng nuôi mỗi cháu một tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các cháu trưởng thành. Để đảm bảo cuộc sống của các cháu được ổn định và không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu và theo nguyện vọng của các cháu. Do vậy cần giao cháu N và cháu N1 cho anh Q nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng kể từ tháng 01/2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Yêu cầu của chị T về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con không trái với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Giàng Thị T là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Giàng Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Giàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Có 02 cháu Nguyễn Hải N sinh ngày 07/8/2012; Nguyễn Thiện N1 sinh ngày 27/9/2016.

Xử giao cháu Nguyễn Hải N và cháu Nguyễn Thiện N1 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Giàng Thị T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng một tháng kể từ tháng 01/2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Giàng Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Giàng Thị T đã nộp tại theo biên lai số: 0001054 ngày 07 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND khu vực 3
- Phòng THADS khu vực 3
- Các đương sự (2)
- UBND xã T
- Lưu HS -TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng

